

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch số 71-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Báo cáo kết quả kiểm tra đợt 2 của Đoàn kiểm tra, giám sát số 21 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Thực hiện Công văn số 535-CV/UBKTTU ngày 27/7/2026 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Công văn số 1625-CV/ĐU ngày 30/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh; UBND tỉnh kính báo cáo kết quả thực hiện Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1¹ và kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được Đoàn kiểm tra, giám sát chỉ ra tại Báo cáo kiểm tra, giám sát đợt 2 như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN TRIỆT

Ngay sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 05/5/2026 và Báo cáo kiểm tra đợt 2 của Đoàn kiểm tra, giám sát số 21, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, yêu cầu triển khai khẩn trương, nghiêm túc và thực chất nhằm kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra; đồng thời tạo chuyển biến rõ nét trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương.

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1163-CV/ĐU ngày 06/5/2026 để triển khai thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU; giao UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức quán triệt đầy đủ các nội dung liên quan; bám sát yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền đề chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện. Việc triển khai được đặt trong tổng thể thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy và các nghị quyết, kết luận trọng tâm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trên cơ sở các nội dung Đoàn Giám sát số 21 đã chỉ ra, các cơ quan, đơn vị được yêu cầu rà soát toàn diện những tồn tại, hạn chế thuộc lĩnh vực quản lý; xác định rõ nhiệm vụ cần tập trung khắc phục, thời hạn hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và kết quả đầu ra cần đạt được; đề xuất giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn liên quan đến công tác cán bộ, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa,

¹ Theo Thông báo số 02-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

giáo dục, triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và vận hành chính quyền địa phương hai cấp. Đồng thời, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, các nội dung vượt thẩm quyền đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Việc tổ chức thực hiện được quán triệt theo phương châm 6 rõ, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, liên tục, không hình thức; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị và chất lượng thực hiện các yêu cầu, kiến nghị sau giám sát.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

1.1. Tỉnh đã triển khai rà soát tổng thể, tuy nhiên việc đánh giá tính khả thi của một số nhiệm vụ phân cấp, phân quyền vẫn chưa được đầy đủ, toàn diện, nhất là các nhiệm vụ của bộ, ngành, của địa phương chuyển về triển khai ở cấp xã, phường để có hướng dẫn, chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; cần sớm hoàn thiện Chương trình hành động theo Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025.

Ngay sau khi triển khai sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát tổng thể các nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; trên cơ sở đó, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/10/2025 triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở đó, các cơ quan liên quan theo phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo Kế hoạch đề ra.

Để khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong triển khai các nội dung nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, ủy quyền đã được Đoàn kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiến nghị, Sở Nội vụ đã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đưa nội dung đầy mạnh phân cấp, ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, giữa các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã vào danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2026, dự kiến hoàn thành việc rà soát, đánh giá và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trong Quý III năm 2026².

Hiện nay, Sở Nội vụ đang phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể, toàn diện tính khả thi của các nhiệm vụ phân cấp,

² Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026.

ủy quyền đề tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phân cấp, ủy quyền hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với tình hình thực tiễn; đồng thời, thông qua rà soát, kịp thời báo cáo, đề xuất Trung ương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các nhiệm vụ do Trung ương phân quyền, phân cấp nhưng không khả thi, phù hợp với điều kiện tình hình của tỉnh.

1.2. Yêu cầu về năng lực theo vị trí việc làm một số sở, địa phương chưa thể hiện rõ một số năng lực như: năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển (tư duy dữ liệu, CDS, huy động nguồn lực, phối hợp liên ngành và phản ứng chính sách) theo Thông báo số 21-TB/VPBTW, ngày 07/3/2026; Công văn số 533-CV/BTCTW, ngày 08/4/2026.

Thực hiện kết luận của các đoàn kiểm tra, giám sát Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 9429/UBND-NC ngày 14 tháng 7 năm 2026 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đảm bảo các năng lực theo yêu cầu của Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ³ và thể hiện rõ được năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển (tư duy dữ liệu, chuyển đổi số, huy động nguồn lực, phối hợp liên ngành, phản ứng chính sách,...). Hoàn thành việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trước ngày 31 tháng 8 năm 2026.

1.3. Biên chế đã tuyển theo chỉ tiêu phân bổ nhưng còn một số sở, ban, ngành, nhất là cấp xã, phường còn thiếu biên chế chuyên sâu giải quyết dịch vụ hành chính công; thiếu cán bộ một số vị trí, việc làm gián đoạn, sự vụ; thiếu cán bộ, công chức có nghiệp vụ, kinh nghiệm theo vị trí, (để làm ở một số lĩnh vực như: đất đai, quy hoạch, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tài chính, nhất là các xã cách xa trung tâm tỉnh). Đối với lĩnh vực giáo dục, y tế, nhiều trạm y tế xã chỉ bố trí từ 1-2 bác sỹ phụ trách đồng thời nhiều điểm trạm, dẫn đến nguy cơ quá tải, ảnh hưởng chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được triển khai trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền tạm giao và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu vận hành mô hình mới, một số lĩnh vực chuyên môn như đất đai, quy hoạch, tài chính, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và giải quyết thủ tục hành chính có khối lượng công việc lớn, trong khi nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn còn thiếu dẫn đến một số vị trí việc làm chưa được bố trí đầy đủ, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ, chất lượng giải quyết công việc và cung ứng dịch vụ hành chính công.

Để từng bước khắc phục tình trạng trên, bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 03/PA-UBND ngày 24/10/2025 về bố trí, điều động, sắp xếp và tăng cường cán

³ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức.

bộ, công chức, viên chức đến công tác tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang tiếp tục rà soát, điều động, bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm, ưu tiên tăng cường nhân lực đối với các lĩnh vực và địa bàn còn thiếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. Kết quả, UBND xã, phường đã thực hiện điều động, tiếp nhận 211 lượt cán bộ, công chức, viên chức (không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý). Trong đó, chuyển từ xã, phường này sang xã, phường khác là 50 người; cấp tỉnh chuyển về cấp xã là 116 người; nội bộ xã: 45 người.

Đầu năm 2026, tỉnh Gia Lai đã thực hiện tuyển dụng công chức để bố trí về cấp xã đối với 69 thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức năm 2024 của tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp); đồng thời, quyết tiếp nhận 22 viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào làm công chức tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh⁴; tuyển dụng đối với 60 người hoạt động không chuyên trách cấp xã vào làm công chức UBND cấp xã (gồm Kế toán 07 người; đất đai 04 người; xây dựng 05 người; điện tử - viễn thông 01 người; còn lại các ngành khác: 43 người)⁵.

Đối với lĩnh vực y tế, tình trạng thiếu bác sĩ tại một số trạm y tế xã là khó khăn chung do nguồn tuyển dụng bác sĩ còn hạn chế, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch luân phiên bác sĩ về làm việc có thời hạn tại Trạm Y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026⁶. Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp, điều động viên chức y tế phù hợp với nhu cầu thực tế; đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, ưu tiên bố trí cho các địa bàn còn thiếu, từng bước khắc phục tình trạng quá tải, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

1.4. Chậm hoàn thành việc bố trí nhân sự không phải người địa phương theo chủ trương của Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện quy trình công tác cán bộ, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án điều động, bố trí đối với 09 Chủ tịch UBND cấp xã là người địa phương. Trong thời gian tới, UBND tỉnh thực hiện quy trình bố trí theo lộ trình phù hợp, bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Trung ương và đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ.

1.5. Vẫn còn tỷ lệ nhỏ cán bộ, công chức cấp xã cần được tiếp tục rà soát, bố trí cho phù hợp.

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ và bố trí, sắp xếp cán bộ, tiếp tục kiện toàn, tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030 đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và chất lượng ngày càng cao; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 25/6/2026 về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh

⁴ Gồm Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Ngoại vụ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương và Văn phòng UBND tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh.

⁵ Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁶ Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh.

hình mới. Yêu cầu đội ngũ cán bộ cơ sở phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất, năng lực, uy tín, gần dân, sát dân, trọng dân, vì Nhân dân phục vụ; có trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; có tư duy đổi mới sáng tạo, khát vọng cống hiến, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững của tỉnh,

1.6. Tỉnh đã tổ chức nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cho cấp xã. Tuy nhiên, chưa có nhiều chuyên đề có nội dung chuyên sâu về quy hoạch, tài chính, kinh tế số nông nghiệp, hội nhập, cộng đồng, quản trị rủi ro xã hội, kỹ năng truyền thông chính sách và phối hợp liên ngành theo Thông báo số 21-TB/VPTW, ngày 07/3/2026; việc đánh giá hiệu quả tập huấn, mức độ chuyển biến về kỹ năng, chuyên môn và hệ thống tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức có sự chuyển biến tích cực nhưng chưa đi vào thực chất.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch⁷ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức nhằm tăng cường bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ngạch công chức; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ, chức danh, lãnh đạo, quản lý. Trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp⁸. Tạo chuyển biến trong nhận thức, tiếp cận với cách tư duy mới, phương pháp làm việc hiệu quả góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của địa phương trong tình hình mới.

- Thực hiện Quyết định số 700/QĐ-TTg, ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp giai đoạn 2026 - 2031, UBND tỉnh đã có văn bản triển khai cho các sở, ngành và sẽ ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện trong thời gian tới; đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức⁹.

- Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai được triển khai đồng bộ, nghiêm túc, đúng quy định; việc đánh giá được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng quy trình, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, bảo đảm tính công khai, khách quan và minh bạch. Đến nay, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan hành chính nhà nước và công chức thuộc tỉnh Gia Lai¹⁰; Quyết định phê duyệt Tiêu

⁷ Kế hoạch số 82/KH-UBND, ngày 28/4/2025; Kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 09/7/2025 và Kế hoạch số 55/KH-UBND, ngày 28/8/2025; Kế hoạch số 159/KH-UBND, ngày 31/12/2025.

⁸ Tháng 7/2025 các sở, ngành trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm và hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp cho 6.276 lượt cán bộ, công chức cấp xã; Quý I năm 2026, các sở, ngành mở 17 lớp bồi dưỡng, tập huấn theo hình thức trực tiếp và trực tuyến cho 4.616 lượt cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

⁹ Kế hoạch số 5380/KH-UBND ngày 29/7/2026 của Sở Nội vụ.

¹⁰ Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/02/2026.

chỉ đánh giá chất lượng đối với các sở, ngành¹¹; Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Quyết định phê duyệt Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi¹² làm cơ sở để các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện việc theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức. Đồng thời, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, hoàn thiện phần mềm phục vụ công tác theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.7. Tình trạng còn tồn đọng hồ sơ chưa được giải quyết dứt điểm; khối lượng lớn tài liệu của các cơ quan, đơn vị đã kết thúc hoạt động vẫn được bảo quản phân tán, chưa được số hóa.

Sở Nội vụ đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 24/6/2026 về việc chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng, tích đọng của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026 – 2030, với khối lượng dự kiến khoảng 46.080,35 mét giá tài liệu (trong đó: Tài liệu cấp tỉnh: 5.274,39 mét giá tài liệu; tài liệu cấp huyện trước đây: 19.448,38 mét giá tài liệu; tài liệu cấp xã trước đây: 21.357,58 mét giá tài liệu). Theo đó, đến hết năm 2030, các sở, ngành, địa phương hoàn thành việc chỉnh lý đối với khối tài liệu tồn đọng hình thành trước ngày 01/7/2025 thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm 100% tài liệu sau khi hoàn thành chỉnh lý được lập công cụ tra cứu, bảo quản khoa học, đủ điều kiện phục vụ khai thác sử dụng và số hóa theo quy định.

Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh cho chủ trương số hóa 2.108.400 trang tài liệu lưu trữ chưa được số hóa của 17 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Gia Lai (trước đây) thuộc danh mục tài liệu ưu tiên theo Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹³ (hoàn thành trong năm 2026); đến nay, Sở Nội vụ đã phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Số hóa tài liệu lưu trữ của 17 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Gia Lai (trước đây) và gấp rút triển khai thực hiện.

1.8. Một số trụ sở của các phòng, ban cấp xã bố trí cần tiếp tục được rà soát để đảm bảo đầy đủ, hợp lý và công năng sử dụng.

Sở Tài chính đã có nhiều văn bản đôn đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, UBND xã, phường thực hiện các thủ tục liên quan để khẩn trương đưa cơ sở nhà, đất dôi dư vào khai thác, sử dụng (Các Công văn số: 5456/STC-QLGCS ngày 04/6/2026, 5563/STC-QLGCS ngày 08/6/2026, 5632/STC-QLGCS ngày 09/6/2026, 5784/STC-QLGCS ngày 12/6/2026, 6164/STC-QLGCS ngày 22/6/2026, 6555/STC-QLGCS ngày 01/7/2026, 6556/STC-QLGCS ngày 01/7/2026). Đồng thời, Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh tiến độ đưa vào khai thác, sử dụng đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư theo Phương án số 05/PA-UBND của UBND tỉnh tại Công văn số 7192/STC-QLGCS ngày 18/7/2026.

¹¹ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 13/5/2026.

¹² Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 13/5/2026.

¹³ Công văn số 8384/UBND-NC ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh

1.9. Có xã sử dụng các trang thiết bị mới và cũ, từ các nguồn khác nhau có phần ảnh hưởng đến chất lượng, thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; hệ thống phần mềm còn phân tán, thiếu tính ổn định và liên thông

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng, hệ thống ứng dụng và cơ sở dữ liệu đang vận hành trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, việc bố trí trang thiết bị, máy tính làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cơ bản đầy đủ, bảo đảm phục vụ thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, ưu tiên bố trí máy móc, trang thiết bị hoạt động tốt cho Trung tâm Phục vụ hành chính công để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1.10. Vẫn có nơi chưa có sóng di động. Hạ tầng số ở một số đơn vị, địa phương còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; cơ sở dữ liệu phân tán, chưa liên thông giữa các ngành, giữa tỉnh với xã, giữa tỉnh và trung ương, chưa thực sự đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, “thống nhất, dùng chung”

Hiện nay, hạ tầng viễn thông, internet phát triển rộng khắp: tổng số 4.747 vị trí trạm thu phát sóng di động (9.545 trạm). Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đạt 100% trung tâm các xã, phường và 99,9% thôn, làng (2.692/2.693 thôn có sóng). Mạng băng rộng cố định đạt 100% trung tâm xã, phường và 99,4% thôn, làng (2.677/2.693; còn 16 thôn chưa có). Mạng 5G được ưu tiên phủ sóng tại khu, cụm công nghiệp, trung tâm xã, phường, khu du lịch, bệnh viện, trường học; đến nay đã triển khai 837 trạm, phủ sóng 97% khu vực có dân cư sinh sống. Ngày 12/6/2026, UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương đầu tư hạ tầng internet công cộng tại các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh (theo Văn bản số 7929/UBND-KGVX); theo đó, giao Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư hạ tầng internet công cộng tại các thôn đặc biệt khó khăn để phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, nhằm góp phần nâng cao kỹ năng số cho người dân, xóa vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026-2030

2.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

- Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 28/4/2026 về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ Hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 24/7/2026 về thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 28/4/2026 về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ Hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.

- UBND tỉnh đã trình Dự thảo Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Về tổ chức thực hiện

+ Thực hiện Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1¹⁴ và kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được Đoàn kiểm tra, giám sát chỉ ra tại Báo cáo kiểm tra, giám sát đợt 2, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, phối hợp với đơn vị tư vấn quy hoạch tỉnh xây dựng kịch bản tăng trưởng các ngành, lĩnh vực chủ yếu thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026-2030. Kịch bản tăng trưởng xác định rõ (1) mục tiêu tăng trưởng; (2) quy mô GRDP theo giá hiện hành; (3) động lực tăng trưởng: mô hình truyền thống (duy trì các ngành nền tảng như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ cơ bản) và mô hình mới (phát triển các động lực tăng trưởng dựa trên nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo 3 nhóm động lực: nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; gia tăng đóng góp của TFP và năng suất lao động; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ hiện đại; (4) xác định nhiệm vụ, giải pháp chính để đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số giai đoạn 2026-2030.

+ Đối với tăng trưởng năm 2026: tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2026 đạt 8,21%; UBND tỉnh đã cập nhật, bổ sung kịch bản tăng trưởng các quý còn lại (quý III, IV) để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 từ 10% trở lên¹⁵.

+ Về triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Triển khai Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong giai đoạn 2026-2030; Ngày 14/4/2026, UBND tỉnh Gia Lai đã tổ chức cuộc họp nghe Sở Công thương và các ngành báo cáo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 303/TB-UBND ngày 21/04/2026 thông báo Kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến triển khai Đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tiên phong nhằm kịp thời lựa chọn các doanh nghiệp tiêu biểu, có năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực để tham gia Chương trình, qua đó tạo động lực phát triển doanh nghiệp tư nhân và hình thành đội ngũ doanh nghiệp tiên phong của tỉnh tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Trên cơ sở rà soát ban đầu các tiêu chí tại Quyết định số 631/QĐ-TTg, tỉnh Gia Lai có 9 công ty đáp ứng: Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty CP Phú Tài, Công ty TNHH Nông nghiệp THAGRI Gia Lai, Công ty TNHH Phát triển Khoa học Quốc tế Trường Sinh; Công ty CP Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Phù Mỹ; Tổng công ty Pisico, Công ty CP Dược Bidiphar. Sở Công thương tham mưu UBND tỉnh tổ chức làm việc trực tiếp với

¹⁴ Theo Thông báo số 02-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

¹⁵ Công văn số 9892/UBND-KTTH ngày 27/7/2026

doanh nghiệp tiên phong (Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty CP Phú Tài, Công ty TNHH Nông nghiệp THAGRI Gia Lai, Công ty TNHH Phát triển Khoa học Quốc tế Trường Sinh) để nắm bắt khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ đề xuất giải pháp tháo gỡ và tổng hợp Đề án, chiến lược phát triển DN tiên phong. Sở Tài chính đã tiếp nhận Phiếu đăng ký tham gia của 05 doanh nghiệp, cụ thể gồm: Công ty TNHH Phát triển Khoa học Quốc tế Trường Sinh; Công ty TNHH Vĩnh Hiệp; Công ty Cổ phần Phú Tài; Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai; Công ty TNHH nông nghiệp THAGRI Gia Lai. Ngoài ra đang hoàn thiện phiếu đánh giá năng lực của: Công ty CP Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Phú Mỹ; Tổng công ty Pisico, Công ty CP Dược Bidiphar.

+ Về thu hút đầu tư nước ngoài: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua dự thảo Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

+ Về công tác đầu tư hạ tầng thủy lợi: Hạ tầng thủy lợi đang được tỉnh tập trung đầu tư, nâng cấp mạnh mẽ nhằm mở rộng diện tích tưới chủ động (đặc biệt tại khu vực phía Tây), giảm phụ thuộc vào nước mưa và nước ngầm:

- Đến nay, khu vực phía Tây tỉnh đã đầu tư sửa chữa hồ chứa, xây dựng kênh mương, công trình cấp nước sinh hoạt và phòng, chống thiên tai với tổng kinh phí khoảng 2.484 tỷ đồng; khu vực phía Đông tỉnh sửa chữa, nâng cấp 50 hồ chứa và các công trình đê, kè, trạm bơm, kênh mương với tổng kinh phí khoảng 5.210 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhiều dự án ở khu vực phía Tây vẫn ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chưa hoàn thành để tạo chuyển biến rõ nét về năng lực cấp nước.

- Các dự án đầu mối liên vùng trọng điểm: Giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh ưu tiên triển khai 05 dự án lớn tại phía Tây với tổng kinh phí 4.311 tỷ đồng, gồm: Hồ chứa nước Đăk Pờ Tó (1.600 tỷ đồng), Hồ Ia Ke (750 tỷ đồng), Hồ Đông Xuân (311 tỷ đồng), Hồ Suối Lơ (380 tỷ đồng) và Hệ thống thủy lợi Kbang - An Khê (1.270 tỷ đồng).

- Đầu tư dự án cấp bách năm 2026: Để khẩn trương khắc phục thiếu nước, UBND tỉnh tiếp tục triển khai đầu tư Dự án thủy lợi Djang, hồ Ka Tung, hồ Đăk Trau Dle với tổng mức đầu tư 810 tỷ đồng. Đồng thời, bố trí ngân sách xây dựng hồ Ia Pôm, hồ Ia Neul và nâng cấp hồ Ia Glai cùng hệ thống kênh mương liên quan.

- Sửa chữa, nâng cấp hồ đập: UBND tỉnh đưa vào ưu tiên sửa chữa khẩn cấp các hồ chứa hư hỏng, xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn như: Ia Ring (đang chuẩn bị khởi công), Tân Sơn, Ia Dreh, Biển Hồ B, Ia Năng, Ia M'lah, Thạch Khê, Hòn Lập, Tân Thắng. Riêng 05 hồ Tân Sơn, Ia Dreh, Biển Hồ B, Ia Năng và Ia Mlah đã được bố trí 115 tỷ đồng để gia cố thân đập, tràn xả lũ và thiết bị vận hành.

- Kế hoạch phát triển thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 phê duyệt Kế hoạch phát triển thủy lợi và nước sạch nông thôn giai đoạn 2026-2030,

tầm nhìn đến năm 2035. Theo đó, Kế hoạch xác định nhóm 14 dự án trọng điểm, dự kiến cần khoảng 14.463 tỷ đồng, đồng thời kiên cố hóa khoảng 1.141,82 km kênh mương, kinh phí khoảng 1.601,58 tỷ đồng.

Ngoài ra, các địa phương đề nghị 594 danh mục công trình thủy lợi kênh mương nội đồng, với tổng kinh phí khoảng 304 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Riêng năm 2026, dự kiến bố trí 77 danh mục công trình, kinh phí 57,28 tỷ đồng.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 **đạt 10-10,5%/năm, trong đó năm 2026 đạt 10,2%**, đưa Gia Lai trở thành cực tăng trưởng quan trọng của Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Quy mô GRDP theo giá hiện hành: từ 265.050 tỷ đồng (2025) lên 531.595 tỷ đồng (2030), tăng thêm 266.545 tỷ đồng, gấp 2 lần hiện nay. Cơ cấu kinh tế 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 17,29%; Công nghiệp – xây dựng: 38,06%; Dịch vụ: 40,34%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp: 4%.

- Động lực tăng trưởng: Gia Lai kết hợp mở rộng quy mô ngành hiện có theo mô hình truyền thống với tối ưu hóa năng suất và hiệu quả nhờ mô hình mới. Đây là cơ sở để đạt tăng trưởng nhanh, bền vững, đồng thời hình thành các cực tăng trưởng mới: công nghiệp chế biến, logistics, kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ hiện đại.

2.3. Về nhiệm vụ, giải pháp triển khai kích bản tăng trưởng các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Phát huy các động lực tăng trưởng truyền thống, mở rộng quy mô nền kinh tế và năng lực sản xuất

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Tăng trưởng bình quân: 4,07%/năm, đóng góp 1,0–1,1 điểm % vào GRDP hằng năm. Quy mô: từ 72,5 nghìn tỷ đồng (2025) lên 91,9 nghìn tỷ đồng (2030), tăng 19,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,8% tổng mức tăng thêm GRDP.

** Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Trồng trọt: Phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao: cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng giá trị gia tăng và bền vững. Mở rộng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp. Tăng cường cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu nông sản. Phát triển chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ – xuất khẩu.

+ Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, thủy cầm theo hướng tập trung và công nghệ cao. Đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và hiệu quả kinh tế. Hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất – chế biến – tiêu thụ, tăng giá trị gia tăng.

+ Thủy sản: Ưu tiên nuôi trồng công nghệ cao, phát triển nuôi biển và ao hồ nội địa. Hiện đại hóa đội tàu cá khai thác xa bờ, gắn với chống khai thác IUU. Nâng cao giá trị chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, mở rộng thị trường xuất khẩu.

+ Lâm nghiệp: Tập trung bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nâng cao chất lượng rừng trồng và rừng tự nhiên; phát triển, trồng rừng gỗ lớn. Phát triển kinh tế dưới tán rừng, dược liệu, du lịch sinh thái. Tham gia dân vào thị trường tín chỉ carbon, tạo giá trị kinh tế mới từ rừng.

- *Khu vực công nghiệp – xây dựng*: Tăng trưởng bình quân: 14,81%/năm, đóng góp 4,8–5,2 điểm % vào GRDP hằng năm. Quy mô: từ 77,4 nghìn tỷ đồng (2025) lên 202,3 nghìn tỷ đồng (2030), tăng 124,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,4% tổng mức tăng thêm GRDP, là khu vực đóng góp lớn nhất.

* *Nhiệm vụ, giải pháp*: Ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao như chế biến nông – lâm – thủy sản, công nghiệp gỗ, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và năng lượng tái tạo; đồng thời *hình thành các ngành mới* như công nghiệp số, AI, bán dẫn, trung tâm dữ liệu và công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch; hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, năng lượng và hạ tầng số để thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và chế biến sâu. Đẩy nhanh triển khai các dự án đầu tư, tháo gỡ vướng mắc về đất đai, thủ tục và nguồn vốn; tăng cường liên kết doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. *Ưu tiên phát triển hạ tầng chiến lược* gồm cao tốc, các trục kết nối Đông – Tây, cảng biển, sân bay, logistics, khu công nghiệp, đô thị động lực và hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, dân sinh.

- *Khu vực dịch vụ*: Tăng trưởng bình quân: 11,5%/năm, đóng góp 4,0–4,3 điểm % vào GRDP hằng năm. Quy mô: từ 104,7 nghìn tỷ đồng (2025) lên 214,4 nghìn tỷ đồng (2030), tăng 109,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 42% tổng mức tăng thêm GRDP.

* *Nhiệm vụ, giải pháp*: Ngành logistics, thương mại, vận tải, tài chính – ngân hàng, thương mại điện tử và các dịch vụ hiện đại. Phát triển hành lang logistics Lê Thanh – Pleiku – Quy Nhơn, hệ thống kho bãi, cảng cạn (ICD), trung tâm logistics, dịch vụ hỗ trợ chuỗi cung ứng. Du lịch: khai thác lợi thế cao nguyên – duyên hải, phát triển du lịch biển, sinh thái, cộng đồng, văn hóa Tây Nguyên – Tây Sơn, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao.

- *Huy động nguồn lực đầu tư*: Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026–2030, Gia Lai cần huy động khoảng 610–650 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư toàn xã hội, bình quân 120–130 nghìn tỷ đồng/năm, tăng khoảng 1,5 lần so với giai đoạn 2021–2025. Theo các dự án đang và dự kiến triển khai, khả năng huy động hiện đạt khoảng 510–530 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng GRDP 7,5–8,6%, do đó cần bổ sung thêm khoảng 100–120 nghìn tỷ đồng để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Đề bù đắp phần vốn còn thiếu, tinh tập trung huy động đồng bộ các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, khu vực tư nhân, FDI, PPP, vốn xanh và các nguồn lực xã hội khác; đồng thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng, nguồn vốn và nhân lực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ triển khai các dự án mới; rà soát, tháo gỡ khó khăn cho các dự án đang thực hiện, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai để giải phóng nguồn lực; tăng cường xúc tiến đầu tư, đối thoại với doanh nghiệp, bảo đảm môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn.

b) Phát huy các động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng

Bên cạnh các động lực tăng trưởng truyền thống, Gia Lai tập trung phát huy các động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP). Đây là định hướng trọng tâm nhằm chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, lao động và khai thác tài nguyên sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Tỉnh sẽ tận dụng dư địa phát triển sau hợp nhất để tái cấu trúc không gian kinh tế theo hướng công nghiệp chế biến, logistics và dịch vụ hiện đại; đồng thời phát triển các ngành kinh tế mới có giá trị gia tăng cao như kinh tế số, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn, trung tâm dữ liệu, năng lượng tái tạo, kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn và thị trường tín chỉ carbon. Cùng với đó, đẩy mạnh cải cách thể chế, chuyển đổi số toàn diện, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy liên kết vùng và thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn và chất lượng tăng trưởng.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2026-2030 được thúc đẩy bởi ba nhóm động lực chủ yếu:

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư: Thực hiện sàng lọc, lựa chọn các dự án có hiệu quả cao; ưu tiên đầu tư hạ tầng chiến lược, hạ tầng liên kết vùng và các dự án có khả năng lan tỏa lớn; nâng cao khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, giảm hệ số ICOR và tăng hiệu quả đầu tư.

+ Gia tăng đóng góp của TFP và năng suất lao động: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hiện đại hóa quản trị và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao đóng góp của TFP vào tăng trưởng, tạo động lực phát triển dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả.

+ Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ hiện đại: Tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, logistics và dịch vụ hiện đại; phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế biển xanh và các ngành có giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Cấu trúc kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026-2030 tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp hiện đại, trong đó công nghiệp giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ yếu; dịch vụ trở thành khu vực dẫn dắt mở rộng

thị trường và liên kết vùng; nông nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao, xanh, tuần hoàn và gắn với công nghiệp chế biến sâu. Mô hình tăng trưởng mới được xây dựng trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa mở rộng quy mô kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng, lấy năng suất, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hiệu quả sử dụng nguồn lực làm nền tảng phát triển.

- Đề hiện thực hóa mô hình tăng trưởng này, tỉnh tập trung triển khai các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

+ *Khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực và tạo năng lực sản xuất mới*

Rà soát, tháo gỡ các vướng mắc về quy hoạch, đất đai, đầu tư, giải phóng mặt bằng và thủ tục hành chính; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc ký kết hợp tác đầu tư nhằm nhanh chóng chuyển hóa thành năng lực sản xuất mới và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Quản lý, khai thác hiệu quả đất đai, tài nguyên, tài sản công; xử lý các dự án chậm tiến độ, kéo dài; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tạo hiệu ứng dẫn dắt, thu hút đầu tư tư nhân và FDI.

Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, nhất là các tuyến cao tốc, hạ tầng cảng biển, sân bay, logistics, khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi, hồ chứa nước và hạ tầng số, tạo dư địa phát triển mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

+ *Nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả phân bổ nguồn lực*

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics, kinh tế biển, du lịch và các ngành có giá trị gia tăng cao.

Phấn đấu nâng tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế từ khoảng 44% năm 2026 lên trên 50% vào năm 2030; nâng cao năng suất lao động xã hội; giảm hệ số ICOR và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội.

+ *Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành công nghệ mới*

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các trung tâm nghiên cứu chất lượng cao.

Phát huy vai trò của khu vực Quy Hòa, Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo hiện có để từng bước hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Ưu tiên phát triển các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, công nghệ bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ số; thúc đẩy phát triển kinh tế số,

chính quyền số và xã hội số; phấn đấu đến năm 2030 kinh tế số đóng góp khoảng 30% GRDP.

+ *Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thị trường carbon*

Xác định kinh tế xanh là một trong những động lực tăng trưởng dài hạn của tỉnh trên cơ sở phát huy lợi thế về tài nguyên rừng, năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh và kinh tế sinh học.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, kinh tế dưới tán rừng, năng lượng tái tạo; triển khai các dự án hấp thụ và giảm phát thải khí nhà kính; từng bước tham gia thị trường tín chỉ carbon, chuyển hóa giá trị sinh thái thành nguồn lực phát triển mới, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Như vậy, việc khai thác đồng bộ các dự địa tăng trưởng từ TFP, năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp - dịch vụ và các động lực tăng trưởng mới, GRDP của tỉnh sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 10,5%/năm trong giai đoạn 2026-2030.

3. Về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

3.1. Về thị trường vốn chậm hình thành; chưa có cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ “dám nghĩ, dám làm” trong việc thử nghiệm rủi ro (sandbox)

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh Đề án Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đang được xây dựng, giao các sở, ngành nghiên cứu, đề xuất áp dụng thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho mô hình kinh doanh mới, sản phẩm công nghệ mới; khuyến khích hình thành các Quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, Quỹ đầu tư mạo hiểm có sự tham gia của nguồn vốn xã hội hóa và khối tư nhân. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ tỉnh đang xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, điều hành và hoạt động theo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Thông tư số 17/2026/TT-BKHCN ngày 13/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Về khối lượng tài liệu lưu trữ chưa được số hóa của khối chính quyền còn lớn; dữ liệu giữa các ngành còn phân tán, chưa hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung

- Ngày 22/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 8384/UBND-NC về chủ trương thực hiện nhiệm vụ số hóa 2.108.400 trang tài liệu lưu trữ thuộc danh mục tài liệu ưu tiên theo Kế hoạch số 42-KH/TU, giao Sở Nội vụ triển khai đối với khối chính quyền.

- Đã ban hành Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 về Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu, Danh mục dữ liệu tỉnh Gia Lai; trên cơ sở đó ban hành Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 về Danh mục và Bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu tỉnh Gia Lai (phiên bản 1.0), làm cơ sở kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu giữa các ngành.

- Đã hoàn thành rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định phạm vi kết nối đối với 31 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh; hoàn thành xây dựng mô hình tổng thể nền tảng dữ liệu dùng chung với 12 nhóm phân hệ chức năng cốt lõi. Đã thực hiện 18.471.771 lượt kết nối dữ liệu thành công giữa LGSP tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản chấn chỉnh tình trạng chậm trễ số hóa hồ sơ, chỉ đạo rà soát, khắc phục lỗi tài liệu số hóa gộp chung, chưa tách theo thành phần hồ sơ; kết quả trong 06 tháng đầu năm 2026 đã có 07 cơ quan, đơn vị đạt tỷ lệ số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với Cục C12 (Bộ Công an) hoàn thành kế hoạch chi tiết di chuyển các hệ thống thông tin cấp tỉnh lên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia và triển khai mô hình điểm chiến lược dữ liệu tại tỉnh; Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đang tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện, dự kiến hoàn thành trong 5 tháng cuối năm 2026.

3.3. Về tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp đạt 31%; công chức cấp xã phải thao tác trên nhiều phần mềm chưa tích hợp đồng bộ và thường xuyên làm thay hồ sơ cho người dân

- Theo ghi nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến nay tỉnh Gia Lai đã cung cấp 2.004/2.004 dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính của tỉnh, gồm 1.544 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 460 dịch vụ công trực tuyến một phần; như vậy, tỉnh đã bảo đảm cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến phục vụ doanh nghiệp.

- Đã hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia mới; thành lập Tổ điều phối theo sát tiến độ triển khai 10 Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của các bộ, ngành nhằm giảm tình trạng công chức phải thao tác trên nhiều phần mềm chưa tích hợp đồng bộ.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng số cho người dân, phát huy vai trò của 135 Tổ công nghệ số cộng đồng với 2.599 thành viên và 21 đội hình “Bình dân học vụ số” với 755 thành viên; đã đào tạo kỹ năng số cho 108.707 người dân, đào tạo dịch vụ công trực tuyến cho 358.022 người dân, từng bước giảm việc công chức phải thực hiện thay các thao tác cho người dân.

3.4. Về việc triển khai chuyển đổi số giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương chưa thật sự đồng đều; một số đơn vị cấp cơ sở còn thiếu nhân lực công nghệ thông tin chuyên sâu; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, người dân còn hạn chế, còn vùng lõm sóng

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 6990/UBND-KGVX ngày 28/5/2026 về tập trung chỉ đạo, điều hành triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; xác định Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt tại cơ sở, hướng tới hình thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập; tăng cường tập huấn kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo cho 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

- Ngày 12/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đồng ý chủ trương đầu tư hạ tầng internet công cộng tại các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 7929/UBND-KGVX, giao Sở Khoa học và Công nghệ triển khai nhằm nâng cao kỹ năng số cho người dân, xóa vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã có thôn đặc biệt khó khăn rà soát lại số lượng chính xác các thôn sau sáp nhập; đồng thời thực hiện Công văn số 4343/BKHCN-VTF ngày 20/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ, tiến hành rà soát, tổng hợp hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn, đề xuất các đối tượng được hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập và thiết bị đầu cuối, bảo đảm hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí, trùng lặp với các chương trình, dự án khác. Đồng thời triển khai Kế hoạch rà soát vùng lõm sóng và đo kiểm chất lượng dịch vụ băng rộng di động năm 2026; tham mưu dự thảo Kế hoạch ngầm hóa mạng cáp viễn thông giai đoạn 2026 - 2030.

- Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% tại các thôn, làng; toàn tỉnh chỉ còn 01 thôn chưa có sóng.

3.5. Về tỷ lệ giải ngân đến thời điểm kiểm tra còn chậm (năm 2025 đạt 55%; năm 2026, tính đến ngày 30/4/2026 đạt 7,94%)

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 7148/UBND-KGVX ngày 31/5/2026 yêu cầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát toàn bộ danh mục nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bố trí vốn năm 2026; triển khai ngay các giải pháp bảo đảm tiến độ giải ngân 100% vốn được giao, theo hướng: (i) đối với các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện thì tập trung triển khai ngay; (ii) đối với các nhiệm vụ, dự án còn vướng mắc về quy trình, thủ tục thì khẩn trương tổng hợp, trao đổi với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính để tháo gỡ kịp thời; (iii) đối với nhóm nhiệm vụ, dự án không có khả năng thực hiện thì kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh nhiệm vụ hoặc điều chuyển vốn.

- Kết quả: đến ngày 24/7/2026 đã giải ngân 66.583 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đạt 14,5%, tăng 6,56 % so với thời điểm Đoàn Kiểm tra, giám sát ghi nhận (7,94% tại thời điểm ngày 30/4/2026).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về chính quyền địa phương 02 cấp

(1) Tiếp tục nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu, rộng và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về việc kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

(2) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình công tác; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành mô hình chính quyền

địa phương hai cấp phù hợp các quy định của Trung ương, pháp luật.

(3) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

(4) Tham mưu bố trí, điều động, tuyển dụng cán bộ, công chức bảo đảm đủ số lượng, đúng cơ cấu và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

(5) Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu thực tiễn, trong đó tập trung các nội dung chuyên sâu về quy hoạch, tài chính, kinh tế số nông nghiệp, hội nhập, cộng đồng, quản trị rủi ro xã hội, kỹ năng truyền thông chính sách và phối hợp liên ngành gắn với công tác đánh giá cán bộ, công chức theo tiêu chí KPI.

2. Về tăng trưởng 02 con số

(1) Tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,2% năm 2026

Thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026¹⁶, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các Quyết định số 99/QĐ-UBND và số 100/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 để giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho các sở, ngành và 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026 theo Công điện số 06/CD-TTg ngày 24/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số, UBND tỉnh tiếp tục ban hành các Văn bản¹⁷, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 **đạt 10,2%**¹⁸; đồng thời chỉ đạo xây dựng kịch bản tăng trưởng chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra.

(2) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt đầu tư xã hội. Ưu tiên nguồn lực cho các công trình hạ tầng chiến lược, các dự án liên kết vùng, dự án động lực và các công trình có tính lan tỏa cao. Đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc; ưu tiên các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, logistics, năng lượng, đô thị, du lịch và hạ tầng quy mô lớn. Chủ động tạo quỹ đất sạch, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để thu hút nhà đầu tư chiến lược.

¹⁶ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ giao tỉnh Gia Lai phấn đấu tăng trưởng GRDP đạt 8%; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/12/2025 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của **HĐND tỉnh giao mục tiêu tăng trưởng 8%, phấn đấu đạt từ 8,8 - 9,4%.**

¹⁷ Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 09/5/2026 giao bổ sung các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030.

¹⁸ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4%; công nghiệp - xây dựng tăng 15%; dịch vụ tăng 11%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7%.

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, giải phóng mặt bằng, vật liệu xây dựng, thủ tục đầu tư; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, bảo đảm sớm hình thành năng lực sản xuất mới và tạo động lực tăng trưởng.

(3) Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công gắn với nâng cao hiệu quả đầu tư

Tiếp tục xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện tốt nguyên tắc chuẩn bị từ sớm, từ xa. Tăng cường kiểm tra hiện trường, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án; thực hiện điều chuyển vốn linh hoạt giữa các dự án có khả năng giải ngân tốt và các dự án chậm triển khai. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân; phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

(4) Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và mở rộng không gian phát triển

Tập trung đầu tư các công trình giao thông chiến lược, đẩy nhanh triển khai các dự án kết nối liên vùng, kết nối Đông - Tây, Bắc - Nam; thúc đẩy hình thành hành lang kinh tế từ cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến duyên hải và các trung tâm logistics của tỉnh. Đẩy nhanh đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Pleiku, mở rộng Cảng hàng không Phù Cát theo định hướng quốc tế; phát triển đồng bộ hệ thống cảng biển, trung tâm logistics, cảng cạn, kho vận và hạ tầng số; từng bước hình thành chuỗi logistics cửa khẩu - cao nguyên - duyên hải. Tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

(5) Cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển các ngành động lực và hình thành các cực tăng trưởng mới

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ hiện đại và kinh tế số; thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản; công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, tuần hoàn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn gắn với xây dựng vùng nguyên liệu tập trung và chế biến sâu. Đẩy mạnh phát triển logistics, thương mại, du lịch và kinh tế cửa khẩu; phát huy lợi thế của hệ thống cửa khẩu, cảng biển, sân bay và hành lang kinh tế Đông - Tây.

(6) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghiệp chế biến, logistics, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, quản trị hiện đại và các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng AI trong quản lý, dạy học; phát triển giáo dục STEM/STEAM, ngoại ngữ, giáo dục hướng nghiệp và giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động.

(7) Quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường liên kết vùng, hợp tác quốc tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng, khoáng sản và nguồn nước; tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ và phát triển rừng bền vững; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước. Đẩy mạnh liên kết phát triển giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ; khai thác hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và không gian hợp tác thuộc Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển nhanh, bền vững.

3. Về phát triển khoa học công nghệ

(1) Khẩn trương hoàn thành Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương.

(2) Trình phê duyệt phương án xây dựng Đề án Quỹ đầu tư mạo hiểm và Đề án đổi mới cơ chế quản lý, điều hành, hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

(3) Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ giải ngân, phân đấu giải ngân 100% vốn được giao năm 2026; định kỳ rà soát, kịp thời đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ hoặc điều chuyển vốn đối với nhiệm vụ, dự án không có khả năng thực hiện.

(4) Hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC); thực hiện lộ trình di chuyển hạ tầng công nghệ thông tin của các đơn vị lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia; triển khai số hóa tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.

(5) Triển khai cung cấp dịch vụ internet miễn phí cho người dân tại các thôn đặc biệt khó khăn; tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; hoàn thành xóa vùng lùm sóng trên địa bàn tỉnh.

(6) Triển khai 37 nhiệm vụ xây dựng mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” theo Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại xã Tây Sơn, đánh giá hiệu quả đề nhân rộng.

(7) Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ đặc thù, vượt trội nhằm thu hút chuyên gia đầu ngành; đẩy nhanh tiến độ dự án “Triển khai phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung”; tập trung phát triển các Khu công nghệ số tập trung và thu hút đầu tư vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, an toàn thông tin.

Trên đây là Báo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch số 71-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện thông báo kết luận số 02-

TB/TW và báo cáo của đoàn giám sát số 21, UBND tỉnh kính báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Các Sở: TC, NV, KH&CN;
- VPĐU UBND tỉnh (*để tổng hợp*);
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T3, V9, C7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh